

UBND TỈNH TIỀN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-QLGCS
V/v triển khai, tổ chức thực
hiện Nghị định 72/2023/NĐ-CP
ngày 26/9/2023 của Chính phủ

Tiền Giang, ngày tháng 10 năm 2023

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh Ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành;
- Công ty TNHH MTV: Xô số kiến thiết, Cấp nước, Khai thác công trình thủy lợi, Công trình đô thị Mỹ Tho,
- Công trình CP Công trình đô thị Gò Công.

Ngày 26/9/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 72/2023/NĐ-CP ngày quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/11/2023 (sau đây gọi là Nghị định 72);

Thực hiện công văn số 6670/UBND-KT ngày 06/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức thực hiện Nghị định của của Chính phủ; trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện và tham mưu các cấp có thẩm quyền của địa phương thực hiện các nội dung (xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức, xử lý, thanh lý xe ô tô dôi dư và các nhiệm vụ khác) theo quy định tại Nghị định 72 và ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 10534/BTC-QLCS ngày 02/10/2023;

Để thực hiện nội dung trên, Sở Tài chính triển khai, tổ chức thực hiện Nghị định 72 với một số nội dung chủ yếu như sau:

I. XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH:

Căn cứ Điều 6, Điều 7 của Nghị định 72, các chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa cụ thể như sau:

1. Bí thư Tỉnh ủy: Mức giá mua ô tô tối đa là 1.550 triệu đồng/xe;
2. Các chức danh Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh: Mức giá mua ô tô tối đa là 1.400 triệu đồng/xe;

3. Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh: Mức giá mua ô tô tối đa là 1.250 triệu đồng/xe.

II. XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG

1. Phạm vi sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung:

- Căn cứ khoản 1 Điều 8 của Nghị định 72 quy định, phạm vi sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung như sau: *Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị), doanh nghiệp nhà nước, không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16 Nghị định 72.*

- Tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 72 quy định: *Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô 2 cầu có công suất lớn trong số xe phục vụ công tác chung của tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 11 (là các xe phục vụ công tác chung của khối các Văn phòng cấp tỉnh) để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của tỉnh (gồm: phục vụ công tác phòng chống bão lũ, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội; phục vụ các đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri; phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc; chỉ đạo hoạt động quản lý, cấm mốc biên giới và các nhiệm vụ đặc thù khác).*

2. Đối tượng sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung:

Căn cứ quy định khoản 2 Điều 8 của Nghị định 72 và công văn số 10534/BTC-QLCS của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại):

- a) Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- c) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- d) Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh;
- đ) Trưởng và Phó Trưởng các ban Đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy;
- e) Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy;

g) Giám đốc, Phó Giám đốc sở, trưởng cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị- xã hội và tương đương cấp tỉnh.

h) Thư ký của Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng các hội cấp tỉnh được giao biên chế;

l) Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

f) Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Chủ tịch, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện,

i) Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước.

j) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị; danh mục nhiệm vụ đặc thù được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

k) Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài các đối tượng quy định nêu trên được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để đi công tác.

Các đối tượng quy định nêu trên được bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 72.

3. Thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức

Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được xác định theo quy định tại Điều 11, Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 14, thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức được quy định cụ thể như sau:

- Đối với cấp Tỉnh: được quy định khoản 5, khoản 6 Điều 8 Nghị định 72 như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy) quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh); sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh,

b) Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy) và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy.

Ngoài việc quyết định số lượng xe ô tô quy định tại các điểm a và b nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh) xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường thuộc phạm vi quản lý của địa phương đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Đối với cấp huyện: được quy định tại khoản 2 Điều 12:

“2. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Huyện ủy) quyết định định mức cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung”

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng và số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung:

Căn cứ khoản 6 Điều 3 Nghị định 72 quy định để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung: *Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là số lượng biên chế hoặc số người làm việc theo đề án vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; trường hợp quy định biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc được tách riêng để tính định mức thì không được tính gộp biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc vào biên chế các cơ quan, tổ chức, đơn vị.*

4.1. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh

a) Xe ô tô phục vụ công tác chung của khối các Văn phòng cấp tỉnh (gồm: Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh): Tổng số tối đa 15 xe.

Định mức cụ thể của từng Văn phòng quy định tại khoản này do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (sau khi có ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy). Các ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh sử dụng xe ô tô trong định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh để phục vụ công tác. Trường hợp Văn phòng Tỉnh ủy phục vụ chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tỉnh ủy bao gồm cả số xe theo quy định tại điểm (a) và điểm (b) mục 4.1 này.

b) Các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy):

b.1) Tối đa 01 xe/01 đơn vị;

b.2) Trường hợp cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 50 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

b.3) Trường hợp cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

c) Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (không phải là các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các Điểm (a), (b), (d) và (đ) mục 4.1 này, được xác định như sau:

c.1) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

c.2) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c.3) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

c.4) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 300 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

d) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề) được xác định như sau:

d.1) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

d.2) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

d.3) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d.4) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

d.5) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

d.6) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/đơn vị.

đ). Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề được xác định như sau:

đ.1) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

đ.2) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

đ.3) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

đ.4) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ.5) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

đ.6) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

e) Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp tỉnh:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy) quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo một trong các phương thức được quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định 72 như sau:

- Phương thức quản lý tập trung: Giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế.

- Phương thức quản lý tập trung theo từng hệ thống: Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý xe ô tô tập trung của từng hệ thống để bố trí xe cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác.

- Phương thức quản lý trực tiếp: Giao cho từng đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị.

- Kết hợp các phương thức quản lý tập trung và phương thức quản lý trực tiếp.

4.2 Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện

a) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của mỗi huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là huyện): Tối đa 06 xe/01 huyện. Riêng các tỉnh mà Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc Văn phòng Tỉnh ủy đã được xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này thì định mức tối đa là 04 xe/01 huyện.

Đối với các huyện đáp ứng 01 trong các tiêu chí sau đây thì được bổ sung định mức 01 xe/01 huyện, đáp ứng từ 02 tiêu chí sau đây trở lên thì được bổ sung 02 xe/01 huyện:

- Huyện có từ 15 đơn vị hành chính là xã, thị trấn trở lên.
- Huyện có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên.
- Huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các đô thị đặc biệt, trường hợp cần thiết phải trang bị thêm xe ô tô để phục vụ công tác chung cho các đơn vị thuộc cấp huyện, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định định mức xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

b) Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Huyện ủy) quyết định định mức cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo một trong các phương thức sau đây:

b.1) Giao cho Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý xe ô tô tập trung để bố trí phục vụ công tác chung cho các đối tượng của huyện được sử dụng xe ô tô khi đi công tác.

b.2) Giao Văn phòng Huyện ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp huyện, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của từng văn phòng, cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b.3) Trong trường hợp áp dụng phương thức quản lý xe tập trung, các đơn vị sử dụng xe ô tô thanh toán cho đơn vị được giao quản lý xe ô tô tập trung các chi phí quản lý, vận hành xe ô tô tương tự trường hợp sử dụng chung tài sản công quy định tại Điều 10 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

5. Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung

5.1. Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe. Trường hợp cần thiết phải mua xe từ 12 - 16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe, mua xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu thì mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị để quyết định việc trang bị xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi và xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ 2 cầu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý bảo đảm cơ cấu hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.

5.2. Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô 2 cầu có công suất lớn trong số xe phục vụ công tác chung của tỉnh trong số xe phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định 72 để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của bộ, cơ quan trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gồm: phục vụ công tác phòng chống bão lũ, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội; phục vụ các đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri; phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc; chỉ đạo hoạt động quản lý, cấm mốc biên giới và các nhiệm vụ đặc thù khác) thì mức giá mua xe được quy định là tỉnh được trang bị 01 xe với mức giá tối đa là 4.500 triệu đồng/xe và 01 xe với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe.

III. SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC

Việc sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung và sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng được thực hiện theo Điều 23, Điều 24, cụ thể:

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định 72 có hiệu lực (là ngày 10/11/2023).

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định.

3. Doanh nghiệp nhà nước thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô phục vụ công tác hiện có; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định. Thời hạn hoàn thành: 12 tháng, kể từ ngày Nghị định 72 có hiệu lực (là ngày 10/11/2023).

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều khoản thi hành và trách nhiệm thi hành được quy định tại Điều 26, cụ thể:

“ ...3. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tập đoàn kinh tế có trách nhiệm:

a) Tổ chức xác định số lượng xe ô tô được sử dụng của các cơ quan, tổ chức đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Nghị định này, thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý và Bộ Tài chính được biết. Các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ là đơn vị dự toán cấp I cũng phải thực hiện theo quy định này.

b) Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức và xử lý xe ô tô dôi dư, thanh lý xe ô tô khi đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này; bố trí, sắp xếp đội ngũ lái xe khi xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về lao động; hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô, chi phí khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác theo quy định của pháp luật; cập nhật dữ liệu về xe ô tô vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định.”

IV. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 72

Từ những nội dung cơ bản trên, để có cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng cơ quan, đơn vị theo quy định, thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý và Bộ Tài chính được biết, Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện như sau:

1. Về việc rà soát, xác định tiêu chuẩn, định mức, xử lý xe ô tô phục vụ các chức danh, phục vụ công tác chung:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh rà soát số lượng xe ô tô phục vụ các chức danh, phục vụ công tác chung theo các Phụ lục sau:

TT	Đơn vị	NĐ 72	Phụ lục	Cơ quan tổng hợp, đề xuất tiêu chuẩn, định mức cụ thể cho đơn vị thuộc, trực thuộc
I	<i>Xe ô tô phục vụ các chức danh</i>		Phụ lục 1	-Văn phòng Tỉnh ủy; -Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; -Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

TT	Đơn vị	NĐ 72	Phụ lục	Cơ quan tổng hợp, đề xuất tiêu chuẩn, định mức cụ thể cho đơn vị thuộc, trực thuộc
II	<i>Xe ô tô phục vụ công tác chung</i>			
1	Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh	Điều 11 Điều 16 Điều 17		
1.1	Khối các Văn phòng cấp tỉnh		Phụ lục 2	-Văn phòng Tỉnh ủy; -Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; -Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
1.2	Các cơ quan, đơn vị, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy			Văn phòng Tỉnh ủy
1.3	Các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh			-Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh -Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang -Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh
1.4	Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh			Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh
1.5	Các doanh nghiệp nhà nước		Phụ lục 3	Thủ trưởng các doanh nghiệp nhà nước
1.6	Các Hội và tương đương (nếu có)		Phụ lục 4	Thủ trưởng các Hội và tương đương
2	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện	Điều 12 Điều 16 Điều 17		
2.1	Văn phòng Huyện ủy/ Thị ủy/ Thành ủy và các đơn vị trực thuộc		Phụ lục 5	Văn phòng Huyện ủy gửi UBND cấp huyện tổng hợp, đề xuất.
2.2	Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện			UBND cấp huyện tổng hợp chung của Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện, Văn phòng Huyện ủy và các cơ quan, đơn vị còn lại, đề xuất.
2.3	Khối các cơ quan, đơn vị còn lại có xe ô tô phục vụ công tác chung (nếu có)			Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị gửi UBND cấp huyện tổng hợp, đề xuất.

2. Về việc rà soát, xác định tiêu chuẩn, định mức, xử lý xe ô tô chuyên dùng:

2.1. Về việc rà soát xe ô tô chuyên dùng hiện có:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh rà soát sổ xe ô tô chuyên dùng hiện có theo Phụ lục 6

2.2. Về việc xác định tiêu chuẩn, định mức (TCĐM), xử lý xe ô tô chuyên dùng:

Trên cơ sở rà soát sổ xe ô tô chuyên dùng hiện có theo Phụ lục 6, các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng TCĐM và đề xuất xử lý xe ô tô chuyên dùng dôi dư theo Phụ lục 7.

Doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư tự ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng và xử lý xe ô tô dôi dư tại đơn vị (không thực hiện theo Phụ lục 7)

a) Đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 72:

Căn cứ vào quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, các cơ sở y tế rà soát xe ô tô chuyên dùng hiện có, xác định tiêu chuẩn, định mức để Sở Y tế tổng hợp, đề xuất gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy) ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định 72.

b) Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 16 Nghị định 72:

Căn cứ văn bản của pháp luật chuyên ngành về xe ô tô chuyên dùng, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương rà soát xe ô tô chuyên dùng hiện có, xác định tiêu chuẩn, định mức gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy) ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định 72.

Sau khi đã xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo Nghị định 72 thì các Quyết định về tiêu chuẩn, định mức được xây dựng bởi Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2017 của Chính phủ sẽ không còn hiệu lực, cụ thể như sau:

- Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chủng loại, tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chủng loại, tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh mức giá Ban QL công trình dịch vụ công ích xe Gò Công Đông

- Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung xe Ban QL công trình công cộng huyện Tân Phước

- Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh chủng loại, tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

- Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung xe Ban QL dịch vụ công ích huyện Gò Công Đông.

- Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (Cai nghiệm ma túy)

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương cần lưu ý xe bán tải đã được ban hành tại các Quyết định trên sẽ chuyển thành xe ô tô phục vụ công tác chung.

Riêng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Khi xác định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo Nghị định 72 cần rà soát xe ô tô chuyên dùng được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng xe ô tô chuyên dùng phòng, chống thiên tai của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đảm bảo phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Thời hạn gửi kết quả rà soát, xác định tiêu chuẩn định mức, xử lý xe ô tô dôi dư:

Đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có công văn về việc rà soát, xác định tiêu chuẩn định mức, xử lý xe ô tô phục vụ các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng; đề xuất phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung gửi về Sở Tài chính chậm nhất **ngày 26/10/2023** để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Tài chính về việc triển khai, tổ chức thực hiện Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, rất mong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước quan tâm, phối hợp, tổ chức thực hiện./

(Đính kèm:

- Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ;*
- Công văn số 10534/BTC-QLCS ngày 02/10/2023 của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan gửi qua Văn phòng điện tử.)*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Phòng TC-KH cấp huyện;
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT, QLGCS (Văn)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Minh Sáng